

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 2

TUẦN 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100.

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 100. TIA SỐ. SỐ LIỀN TRƯỚC – SỐ LIỀN SAU

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số gồm 8 đơn vị và 5 chục viết là:

- A. 85 B. 18 C. 15 D. 58

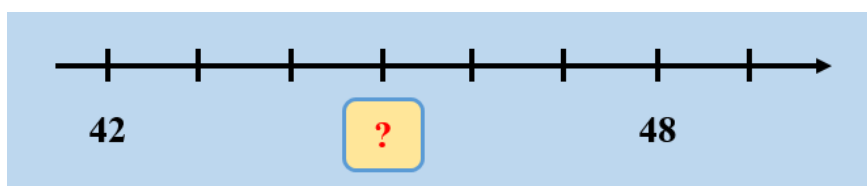
Câu 2. Số 35 đọc là:

- A. ba năm B. ba mươi lăm
C. năm mươi ba D. ba mươi năm

Câu 3. Phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. $45 - 2$ B. $54 + 4$ C. $78 - 56$ D. $17 + 12$

Câu 4. Số?



- A. 85 B. 18 C. 15 D. 58

Câu 5. Số liền sau của 58 là:

- A. 59 B. 57 C. 60 D. 56

Câu 6. Số liền trước của 35 là kết quả phép tính:

- A. $57 - 21$ B. $20 + 15$ C. $88 - 54$ D. $79 - 42$

Câu 7. Số ?

Lọ 2 có khoảng kẹo



Lọ 1

Lọ 2

A. 30

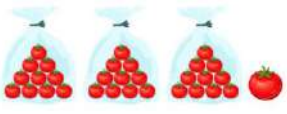

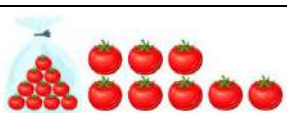
B. 50

C. 70

D. 90

II. Phần tự luận

Bài 1. Hoàn thành bảng sau:

	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

Bài 2. Đặt tính rồi tính:

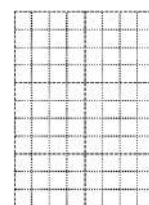
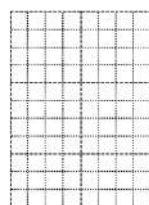
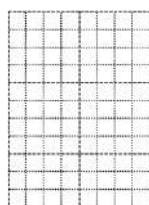
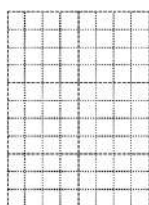
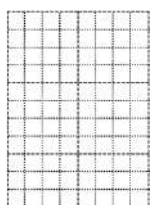
$24 + 12$

$61 + 17$

$58 - 37$

$89 - 64$

$51 + 48$



Bài 3. Tính:

$9 + 1 + 9 =$

$17 - 7 - 2 =$

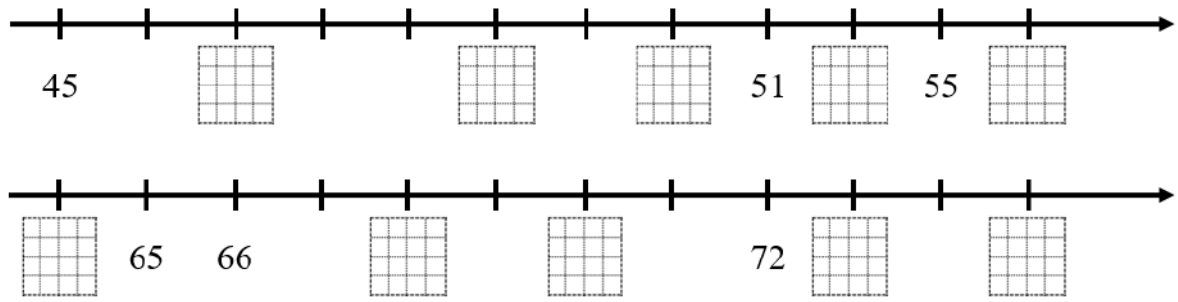
$3 + 7 + 6 =$

$6 + 4 + 5 =$










$13 - 3 - 6 =$










$15 - 5 - 4 =$

Bài 4. Số?



Bài 5. Viết số liền trước, số liền sau của các số đã cho:

								
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
	80			74			36	

								
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
	19			99			63	

Bài 6. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
28	71	33	52	64	85	97	12
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

Bài 7. Điền dấu (V) vào ô trống trước những câu đúng:

- 42 gồm 4 đơn vị và 2 chục.
- 72 gồm 7 chục và 2 đơn vị.
- $87 - 26 < 50 + 10$.
- 60 là số liền sau của 59.
- Số liền trước nhỏ nhất có hai chữ số là 10.
- Số liền sau số lớn nhất có hai chữ số là 100.

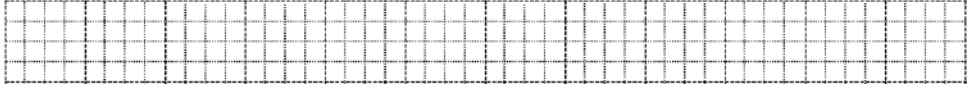
Bài 8. An và Bình lập kế hoạch trồng 35 cây hoa trong vườn. An đã trồng được 12 cây hoa. Bình đã trồng được 13 cây hoa.

a. Hỏi cả hai bạn đã trồng được tất cả bao nhiêu bông hoa?


Phép tính:



Trả lời:



b. Hỏi An và Bình cần trồng thêm bao nhiêu cây hoa nữa để hoàn thành kế hoạch?

Trả lời: An và Bình cần trồng thêm  cây hoa nữa để hoàn thành kế hoạch.

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

**TUẦN 2: TIA SỐ. SỐ LIỀN TRƯỚC – SỐ LIỀN SAU.
ĐỀ-XI-MÉT. SỐ HẠNG – TỔNG. SỐ BỊ TRỪ - SỐ TRỪ - HIỆU**

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. 89 là số liền trước của:

- A. 87 B. 88 C. 90 D. 91

Câu 2. Tổng của 54 và 23 là:

- A. 77 B. 31 C. 23 D. 86

Câu 3. Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số và số nhỏ nhất có hai chữ số là:

- A. 99 B. 90 C. 89 D. 10

Câu 4. Tổng của 20 và số liền sau của nó là:

- A. 1 B. 31 C. 39 D. 41

Câu 5. Mảnh vải xanh dài 4dm, mảnh vải đỏ dài 25cm. Cả hai mảnh vải dài là:

- A. 29 cm B. 65 cm C. 29 dm D. 21 cm

Câu 6. Nhà Huy có 27 con gà mái và 21 con gà trống. Tổng số gà nhà Huy có là:



A. 48 con





B. 37 con





C. 6 con

D. 39 con

II. Phần tự luận

Bài 1. Hoàn thành bảng sau:

Số hạng	45	64	10	23
Số hạng	14	22	5	10
Tổng				

Số hạng	75	46	68	57
Số hạng	13	30	41	42
Tổng				

Bài 2. Đặt tính rồi tính:

Số hạng: 22

Số bị trừ: 47

Số hạng: 65

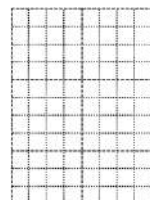
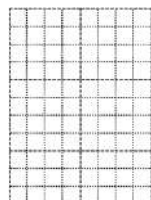
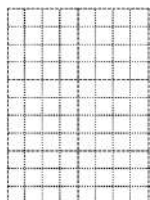
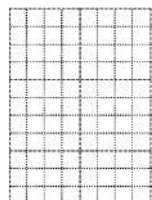
Số bị trừ: 78

Số hạng: 11

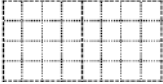
Số trừ: 31

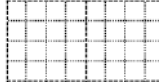
Số hạng: 34

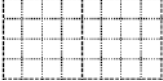
Số trừ: 11




Bài 3. Tính:

$23 \text{ dm} + 15 \text{ dm} =$ 

$12 \text{ dm} - 2 \text{ dm} - 1 \text{ dm} =$ 


$14 \text{ dm} + 51 \text{ dm} =$ 

$7 \text{ dm} + 3 \text{ dm} + 6 \text{ dm} =$ 

Bài 4. >; <; =

51 cm  3 dm

$12 \text{ dm} - 2 \text{ dm}$  $10 \text{ cm} + 8 \text{ cm}$







20 dm  60 cm

$10 \text{ cm} - 3 \text{ cm}$  $4 \text{ dm} + 3 \text{ dm}$





70 cm  7 dm

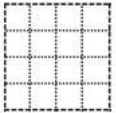

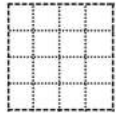
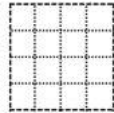
$15 \text{ dm} - 5 \text{ dm}$  $60 \text{ cm} + 40 \text{ cm}$





Bài 5. Viết số liền trước, số liền sau của các số đã cho:

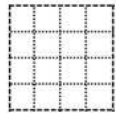
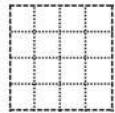
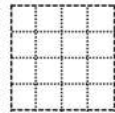
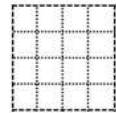
Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	40	
	29	
	76	
	83	

Bài 6. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:








Bài 7. Số?

a. Số thứ nhất là số tròn chục liền trước của 37. Số thứ hai là số liền sau của 37.






Tổng của hai số đó bằng .

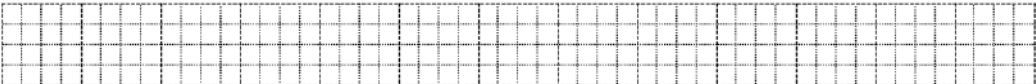
b. Hiện nay, tổng số tuổi của Minh và Quý là 23. Sau 3 năm nữa, tổng số tuổi của

Minh và Quý là: .

c. Một phép trừ có số bị trừ bằng hiệu và bằng 45. Vậy số trừ bằng .

Bài 8. Chiếc thước kẻ của Minh bị gãy làm đôi. Một đoạn thước dài 2 dm, đoạn còn lại dài 10 cm. Hỏi chiếc thước kẻ của Minh dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Phép tính:     

Trả lời: 

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 3: LUYỆN TẬP CHUNG.

LUYỆN TẬP PHÉP CỘNG (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 20.

PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20. LUYỆN TẬP

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Trong phép tính $52 - 20 = 32$, $52 - 20$ được gọi là:

- A. tổng B. hiệu C. số hạng D. số bị trừ

Câu 2. Số?

$$\boxed{9} + \boxed{4} = \boxed{9} + \boxed{?} + \boxed{3}$$

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3. Tổng 8 và số liền trước của số lớn nhất có một chữ số là:

- A. 15 B. 14 C. 16 D. 17

Câu 4. Tổng của 8 và 9 là số liền sau của:

- A. 15 B. 18 C. 17 D. 16

Câu 5. Tổng lớn nhất là tổng của:

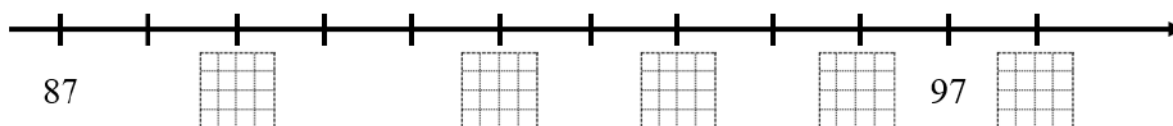
- A. 6 và 5 B. 4 và 8 C. 7 và 7 D. 9 và 6

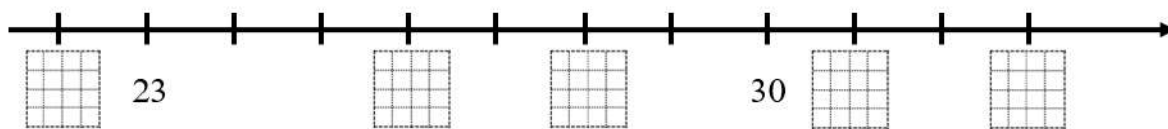
Câu 6. Hoa cắt một sợi dây dài 6 dm thành 3 đoạn bằng nhau. Mỗi đoạn dây dài:

- A. 3 dm B. 9 dm C. 20 cm D. 30 cm

II. Phần tự luận

Bài 1. Số?





Bài 2. Viết số liền trước, số liền sau của các số đã cho:

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	40	
	29	
	76	
	83	

Bài 3. Đặt tính rồi tính:

Số hạng: 35

Số bị trừ: 17

Số hạng: 10

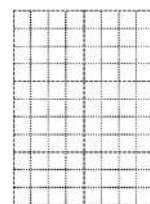
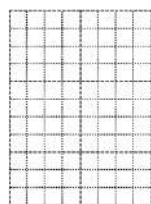
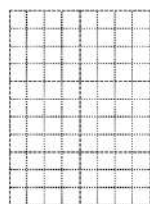
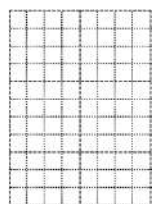
Số bị trừ: 85

Số hạng: 12

Số trừ: 7

Số hạng: 29

Số trừ: 14



Bài 4. Tính:

$5 + 5 + 2 =$

$9 + 1 + 4 =$

$6 + 4 + 3 =$

$7 + 3 + 6 =$

$8 + 2 + 5 =$

$8 + 2 + 7 =$

Bài 5. Tính:

$5 + 7 =$

$9 + 5 =$

$6 + 7 =$

$6 + 6 =$

$7 + 9 =$

$8 + 7 =$

$8 + 9 =$

$3 + 9 =$

$8 + 5 =$

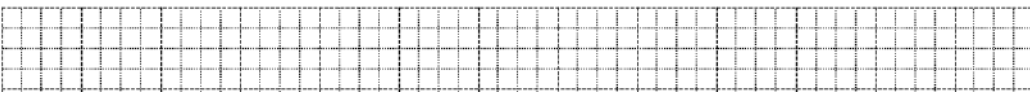
$6 + 8 =$

$4 + 7 =$

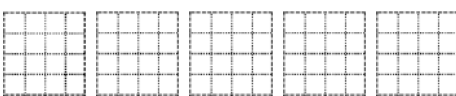
$7 + 6 =$

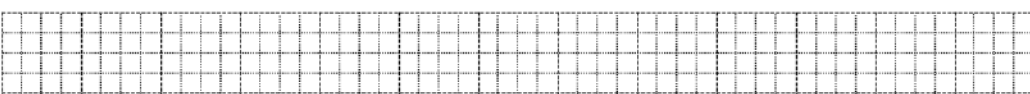
Bài 6. Nhà Mai có 9 con gà. Mẹ đi chợ mua thêm 5 con gà nữa. Hỏi nhà Mai có tất cả bao nhiêu con gà?

Phép tính: 

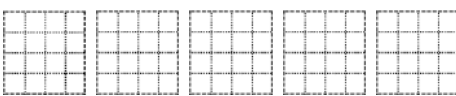
Trả lời: 

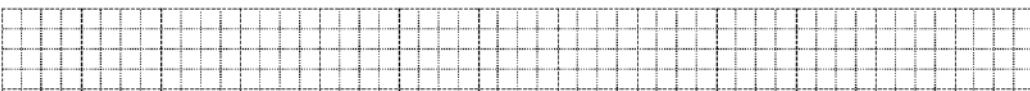
Bài 7. An có 6 viên bi đỏ và 5 viên bi xanh. Hỏi An có tất cả bao nhiêu viên bi?

Phép tính: 

Trả lời: 

Bài 8. Mẹ xách hai túi táo từ chợ về. túi bên phải có 8 quả táo và túi bên trái 7 quả táo. Hỏi mẹ đã mua bao nhiêu quả táo?

Phép tính: 

Trả lời: 

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 4: LUYỆN TẬP.

BẢNG CỘNG (CÓ NHỎ) TRONG PHẠM VI 20. LUYỆN TẬP

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số?

$$\boxed{7} + \boxed{?} = \boxed{14}$$

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 2. Phép tính thích hợp là:

$$\boxed{?} \boxed{?} \boxed{?} = \boxed{5} + \boxed{8}$$

- A. $8 + 4$ B. $9 + 3$ C. $7 + 6$ D. $9 + 9$

Câu 3. Trong các phép tính sau, phép tính có tổng lớn nhất là:

- A. $9 + 4$ B. $5 + 6$ C. $7 + 5$ D. $9 + 9$

Câu 4. Tổng của 8 và số liền trước của nó là:

- A. 15 B. 16 C. 17 D. 18

Câu 5. Số?

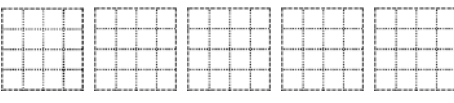
$$\boxed{6} + \boxed{9} < \boxed{8} + \boxed{?} < \boxed{9} + \boxed{8}$$

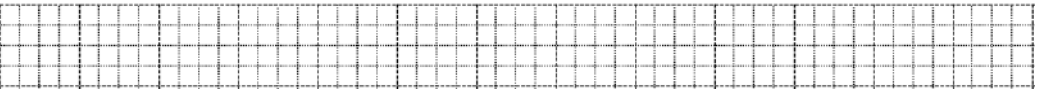
- A. 29 cm B. 65 cm C. 29 dm D. 21 cm

Câu 6. Vườn nhà Minh có 8 cây vải và 6 cây nhãn. Vườn nhà Minh có số cây ăn quả là:

- A. 2 cây B. 13 cây C. 12 cây D. 14 cây

Bài 9. Hôm nay, mẹ làm bánh cho cả nhà ăn. Mẹ gấp ra đĩa 8 chiếc bánh cho Mai và An ăn. Mẹ để lại 5 chiếc phần bố. Hỏi mẹ đã làm bao nhiêu chiếc bánh?

Phép tính: 

Trả lời: 

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 5: LUYỆN TẬP CHUNG.

LUYỆN TẬP PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 20.

PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20. LUYỆN TẬP

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Hiệu của 12 và 7 là:

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 2. Số?

$$\boxed{15} - \boxed{9} = \boxed{15} - \boxed{?} - \boxed{4}$$

- A. 5 B. 6 C. 4 D. 3

Câu 3. Hiệu của 18 và số lớn nhất có một chữ số là:

- A. 9 B. 10 C. 8 D. 7

Câu 4. Hiệu nhỏ nhất là hiệu của:

- A. 12 và 5 B. 16 và 8 C. 11 và 7 D. 14 và 9

Câu 5. Số?

$$\boxed{12} - \boxed{4} < \boxed{16} - \boxed{?} < \boxed{5} + \boxed{6}$$


- A. 10 B. 8 C. 9 D. 7


Câu 6. 13 đội tham gia cuộc thi văn nghệ do nhà trường tổ chức nhưng chỉ có 4 đội đạt giải. Số đội không đạt giải là:


- A. 8 đội B. 9 đội C. 12 đội D. 17 đội


II. Phần tự luận


Bài 1. Tính:


$14 - 4 - 2 =$ 


$13 - 3 - 5 =$ 


$16 - 6 - 1 =$ 


$14 - 6 =$ 


$13 - 8 =$ 


$16 - 7 =$ 


$15 - 5 - 3 =$ 

$11 - 1 - 6 =$ 









$12 - 2 - 4 =$ 

$15 - 8 =$ 


$11 - 7 =$ 


$12 - 6 =$ 


Bài 2. Số?


Số hạng	12	11	11	13	15	11	14	17
Số hạng	4	3	2	5	6	4	8	9
Tổng								


Bài 3. Tính:


$12 - 3 =$ 


$16 - 8 =$ 


$11 - 5 =$ 

$14 - 9 =$ 


$13 - 6 =$ 

$13 - 9 =$ 

$15 - 7 =$ 


$12 - 7 =$ 

Bài 4. >; <; =

$17 - 9$  11

$12 - 6$  $11 - 6$

$14 - 7$  $12 - 8$

5  $13 - 9$

$13 - 7$  $15 - 9$

$16 - 9$  $17 - 8$

Bài 5. Hỏi dưới ao còn lại bao nhiêu con vịt?

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 6: LUYỆN TẬP.

BẢNG TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20. LUYỆN TẬP

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Hiệu của 14 và 5 là:

- A. 8 B. 9 C. 7 D. 6





Câu 2. 3 là hiệu của 11 và:

- A. 7 B. 9 C. 8 D. 6

Câu 3. Hiệu lớn nhất là:

- A. 11 - 5 B. 15 - 8 C. 13 - 4 D. 17 - 9

Câu 4. Phép tính thích hợp là:

 =  -  - 

- A. 18 - 9 B. 14 - 6 C. 13 - 4 D. 17 - 9

Câu 5. Hiệu của số liền trước số 17 và số lớn nhất có 1 chữ số là:









- A. 7 B. 6 C. 5 D. 8

Câu 6. Bác Phong có một khúc gỗ dài 15 dm. Bác cần một đoạn gỗ dài 8 dm để làm chân bàn nên đã cắt bớt khúc gỗ đó đi. Đoạn gỗ bác Phong cắt đi dài:

- A. 7 cm B. 70 cm C. 6 dm D. 9 dm

II. Phần tự luận

Bài 1. Tính nhẩm:

12 - 5 = 	13 - 4 = 	14 - 6 = 	11 - 3 = 
13 - 6 = 	17 - 9 = 	15 - 8 = 	16 - 7 = 

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 7: LUYỆN TẬP CHUNG.

BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ. LUYỆN TẬP

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Tổng của 8 và 6 là:

- A. 11 B. 13 C. 14 D. 15

Câu 2. Số bị trừ là 13, số trừ là 6. Vậy hiệu là:

- A. 7 B. 6 C. 8 D. 5

Câu 3. Số?

$$\boxed{15} - \boxed{6} < \boxed{3} + \boxed{?} < \boxed{6} + \boxed{6}$$

- A. 9 B. 5 C. 6 D. 8

Câu 4. Số liền trước của số lớn nhất có một chữ số là hiệu của:

- A. 16 và 7 B. 12 và 5 C. 14 và 6 D. 11 và 5

Câu 5. Nhà An có 9 con vịt, mẹ đi chợ mua thêm 5 con nữa. Nhà An có tất cả số con vịt là:


- A. 4 con vịt B. 14 con vịt C. 13 con vịt D. 11 con vịt


Câu 6. Sau cơn bão, 16 chiếc thuyền neo đậu trên bến thì có 9 chiếc bị hư hỏng. Số chiếc thuyền không bị hư hỏng là:

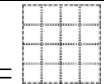
- A. 7 chiếc thuyền B. 6 chiếc thuyền
C. 9 chiếc thuyền D. 8 chiếc thuyền

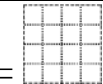
II. Phần tự luận


Bài 1. Tính nhẩm:


$2 + 9 =$ 

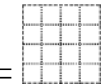
$7 + 4 =$ 

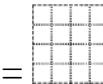
$13 - 7 =$ 

$11 - 8 =$ 


$8 + 8 =$ 


$5 + 9 =$ 


$17 - 9 =$ 


$14 - 5 =$ 


Bài 2. Tính:


$2 + 7 + 9 =$ 

$18 - 9 + 8 =$ 


$11 - 2 + 4 =$ 

$9 + 4 - 7 =$ 

$14 - 9 + 6 =$ 


$8 + 5 - 6 =$ 

Bài 3. >; <; =

$11 - 6$  4

$8 + 6$  $6 + 8$

$11 - 3$  $12 - 4$

7  $16 - 7$

$13 - 6$  $14 - 6$

$9 + 3$  $18 - 9$

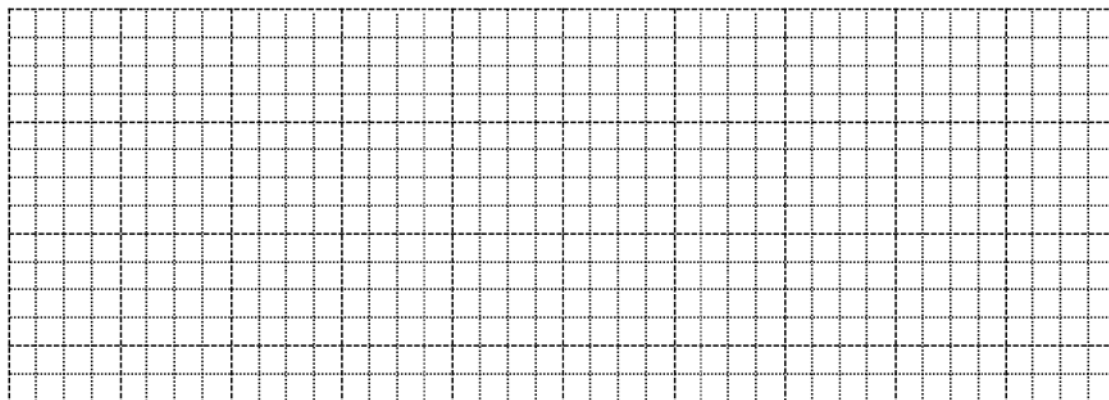
Bài 4. Hỏi Hoa còn lại mấy cái kẹo?

Sao Hoa cho tớ nhiều kẹo thế?

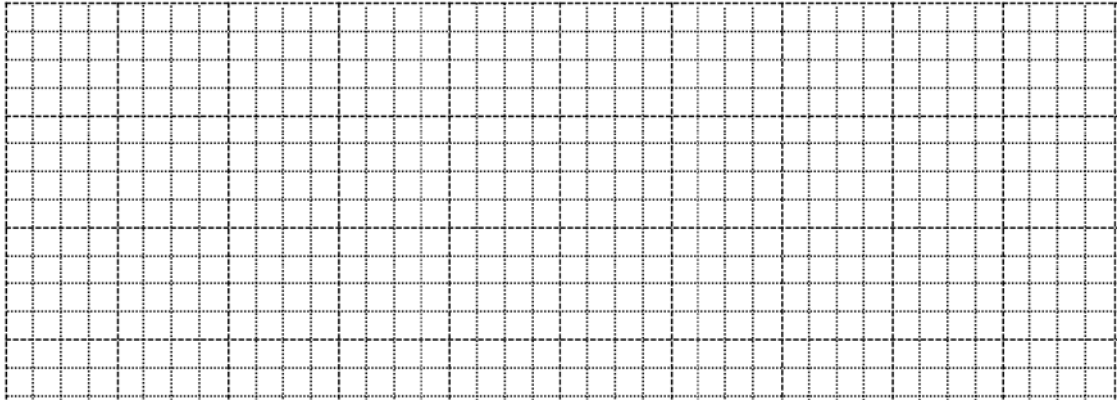


Có 3 cái kẹo thôi mà! Mẹ mua cho tớ 12 cái cơ!

Bài giải:



Bài giải:



b. Hiện tại, số viên bi của Minh và Phong bằng nhau. Hỏi lúc đầu Minh có bao nhiêu viên bi?

Trả lời: Lúc đầu Minh có  viên bi.

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 8: BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ.

LUYỆN TẬP. LUYỆN TẬP CHUNG

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Nam có 8 cái kẹo. Minh có nhiều hơn Nam 6 cái. Minh có số cái kẹo là:

- A. 2 cái kẹo B. 14 cái kẹo C. 10 cái kẹo D. 11 cái kẹo

Câu 2. Mẹ mua cho Hà 12 chiếc bút chì màu xanh và đỏ, trong đó có 5 chiếc bút chì màu xanh. Số bút chì màu đỏ là:

- A. 7 chiếc B. 17 chiếc C. 11 chiếc D. 13 chiếc

Câu 3. Đàn gà nhà Mai có 15 con gà trống. Số gà mái ít hơn số gà trống 3 con. Đàn gà nhà Mai có số gà mái là:

- A. 18 con B. 15 con C. 12 con D. 17 con

Câu 4. Lớp 2A có 6 bạn và lớp 2B có 5 bạn tham gia đội văn nghệ của trường. Số bạn tham gia đội văn nghệ của cả hai lớp là:

- A. 1 bạn B. 13 bạn C. 10 bạn D. 11 bạn

Câu 5. Lớp 2C có 14 bạn nam. Số bạn nữ ít hơn số bạn nam là 5 bạn. Số bạn nữ của lớp 2C là:

- A. 19 bạn B. 9 bạn C. 13 bạn D. 15 bạn

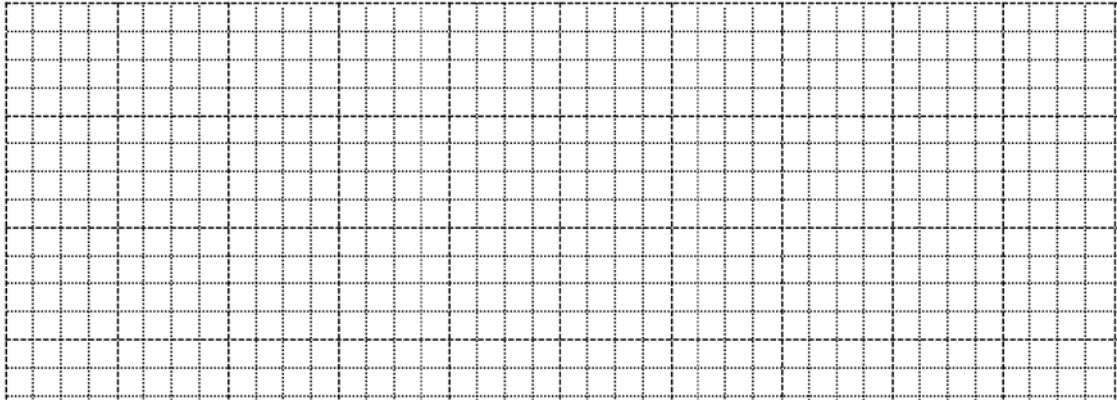
Câu 6. Nam cao 95 cm. Minh cao hơn Nam 4 cm. Chiều cao của Minh là:

- A. 91 cm B. 92 cm C. 99 cm D. 9 dm

II. Phần tự luận

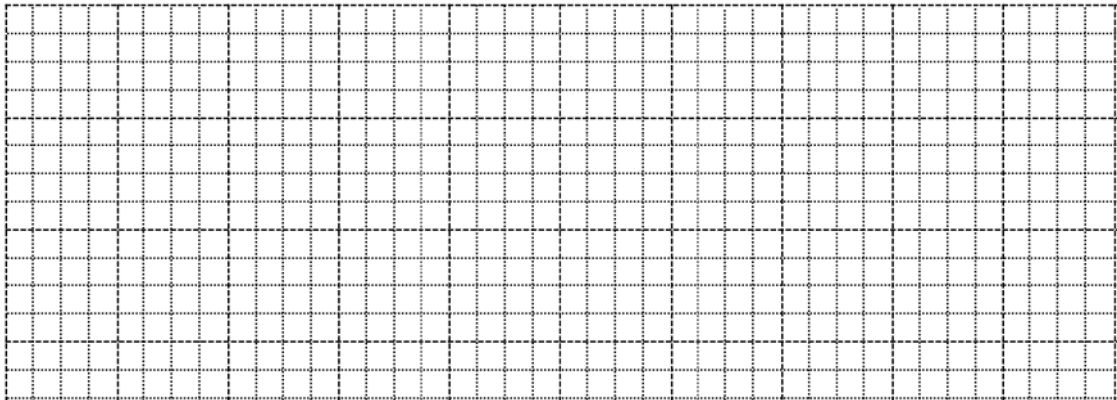
Bài 1. Bố có một cuộn dây dài 23 dm. Bố cắt một đoạn dài 12 dm để buộc hàng rào. Hỏi cuộn dây còn lại bao nhiêu đề-xi-mét?

Bài giải:



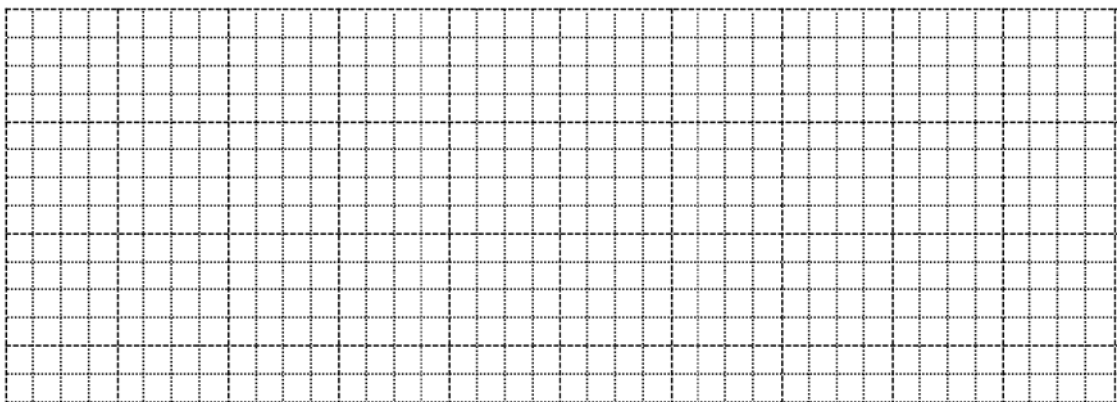
Bài 2. Trong hộp bút của Nam có 9 chiếc bút chì màu vàng và 6 chiếc bút chì màu xanh. Hỏi trong hộp bút của Nam có bao nhiêu chiếc bút chì?

Bài giải:



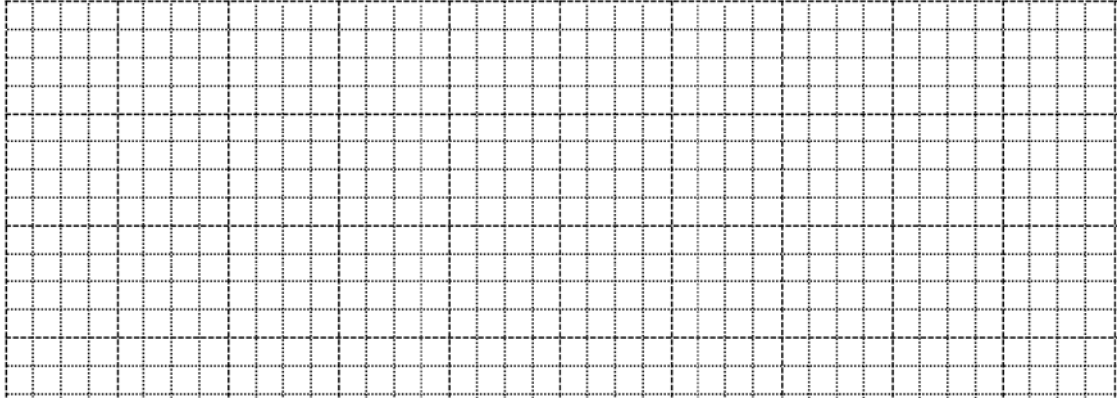
Bài 3. Cửa hàng nhà Hoài có 35 hộp bánh và đã bán được 15 hộp. Hỏi cửa hàng nhà Hoài còn lại bao nhiêu hộp bánh?

Bài giải:



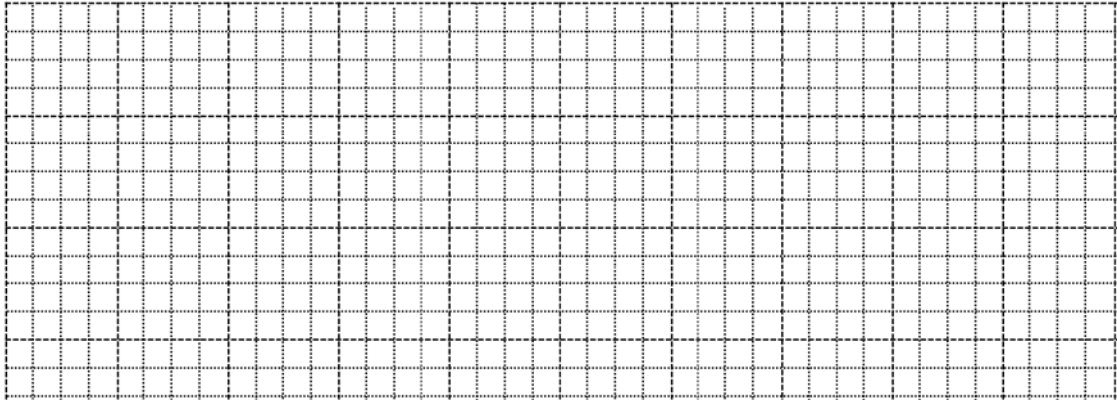
Bài 4. Trong phong trào trồng cây mùa xuân vừa qua, lớp 2A trồng được 25 cây. Lớp 2B trồng được nhiều hơn lớp 2A 4 cây. Hỏi lớp 2B trồng được bao nhiêu cây?

Bài giải:



**Bài 5. Vườn nhà Mai có 16 cây bưởi, số cây cam ít hơn số cây bưởi là 7 cây.
Hỏi vườn nhà Mai có bao nhiêu cây cam?**

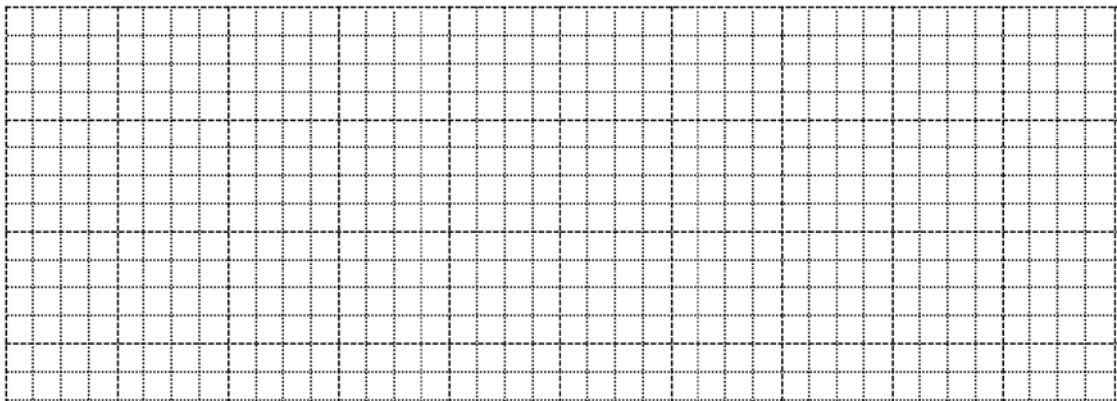
Bài giải:



Bài 6. Hà làm được 12 cái bánh. Hà làm nhiều hơn My 6 cái bánh.

a. Hỏi My làm được bao nhiêu cái bánh?

Bài giải:



b. Hà cho My một số cái bánh thì số bánh của hai bạn bằng nhau. Hỏi Hà đã cho My bao nhiêu cái bánh?

Trả lời: Hà đã cho My  cái bánh.

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 9: EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC.

EM VUI HỌC TOÁN

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Tổng của 7 và 9 là:

- A. 16 B. 17 C. 18 D. 15

Câu 2. 6 là hiệu của:

- A. 12 và 4 B. 13 và 6 C. 15 và 9 D. 14 và 5

Câu 3. Số hạng thứ nhất là 8, số hạng thứ hai kém số hạng thứ nhất 2 đơn vị. Vậy tổng bằng:

- A. 10 B. 6 C. 18 D. 14

Câu 4. Số?

$$\boxed{9} + \boxed{6} - \boxed{8} = \boxed{?} - \boxed{5}$$

- A. 11 B. 12 C. 13 D. 14

Câu 5. Nhà Minh có 34 con gà. Nhà Hoa có ít hơn nhà Minh 12 con gà. Số gà nhà Hoa có là:


- A. 46 con gà B. 22 con gà C. 23 con gà D. 45 con gà


Câu 6. Năm nay An 12 tuổi, An kém Bình 4 tuổi. Số tuổi của Bình hiện tại là:


- A. 8 tuổi B. 9 tuổi C. 16 tuổi D. 15 tuổi


II. Phần tự luận

Bài 1. Tính nhẩm:

4 + 9 = 









5 + 7 = 

9 + 9 = 







6 + 6 = 

$9 + 3 =$  $8 + 8 =$  $7 + 7 =$  $5 + 9 =$ 







Bài 2. Tính nhẩm:

$12 - 6 =$  $14 - 6 =$  $14 - 8 =$  $11 - 2 =$ 
 $16 - 9 =$  $16 - 7 =$  $13 - 9 =$  $12 - 3 =$ 

Bài 3. Số?

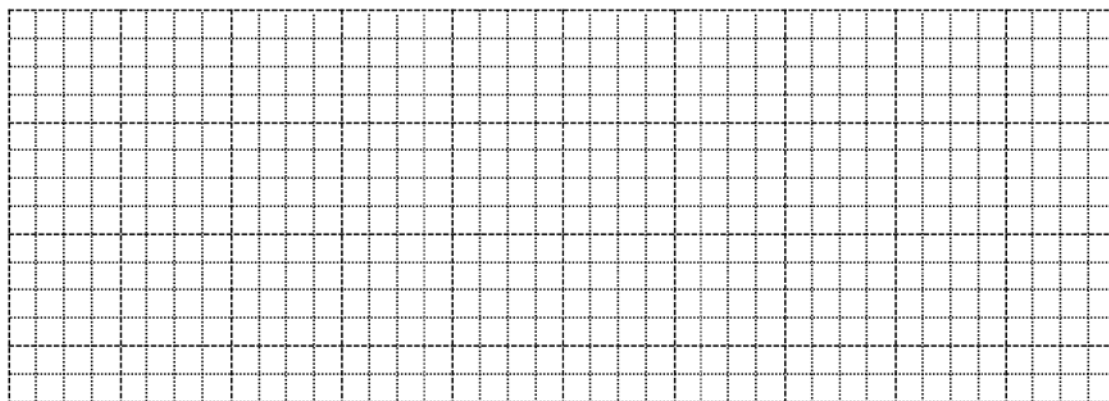
$4 +$  $= 11$ $13 -$  $= 7$ $12 -$  $= 5$
 $6 +$  $= 15$ $16 -$  $= 8$ $14 -$  $= 9$

Bài 4. Tính:

$4 + 7 + 8 =$  $16 - 9 + 7 =$  $12 - 4 + 9 =$ 
 $2 + 9 - 7 =$  $14 - 8 + 6 =$  $6 + 9 - 8 =$ 

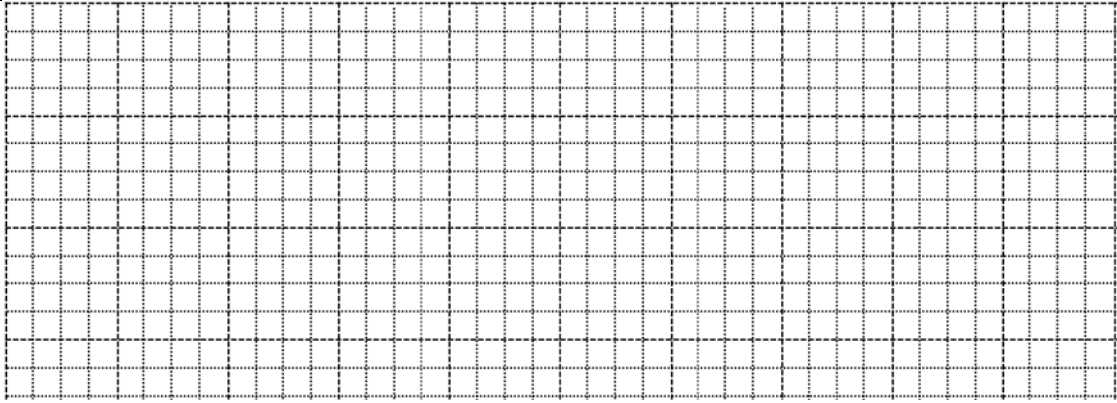
Bài 5. Tổ Một có 12 học sinh, tổ Hai có nhiều hơn tổ Một ba học sinh. Hỏi tổ Hai có bao nhiêu học sinh?

Bài giải:



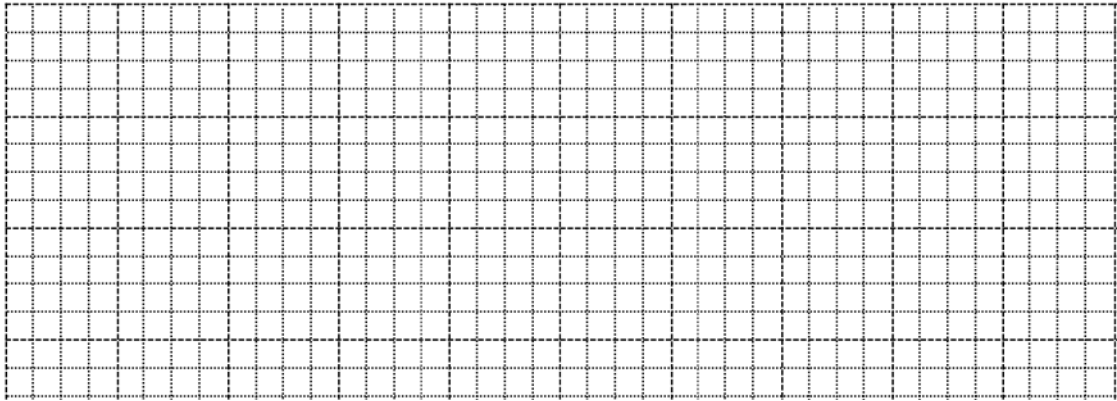
Bài 6. Cửa hàng tạp hoá nhà My có 35 quả trứng gà, số trứng vịt ít hơn số trứng gà 12 quả. Hỏi cửa hàng tạp hoá nhà My có bao nhiêu quả trứng vịt?

Bài giải:



Bài 7. Dải lụa xanh dài 13 dm. Dải lụa đỏ ngắn hơn dải lụa xanh 5 dm. Hỏi dải lụa đỏ dài bao nhiêu đề-xi-mét?

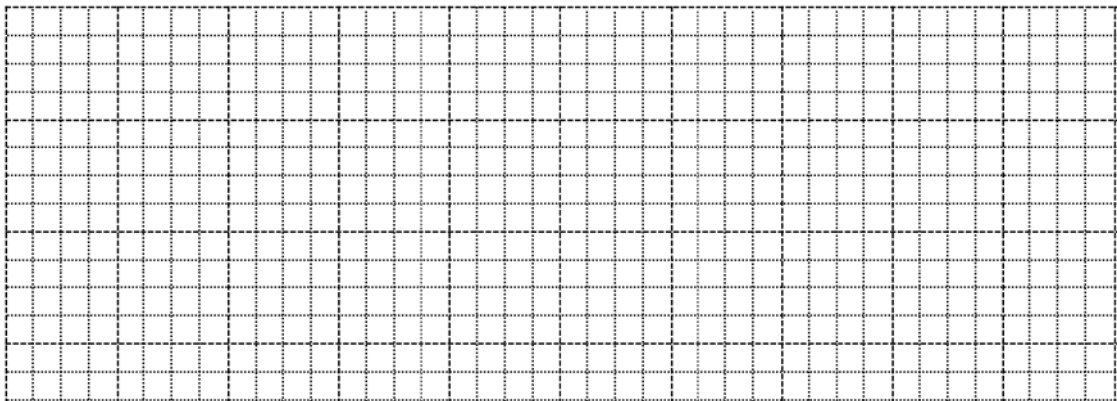
Bài giải:




Bài 8. Năm nay Vy 9 tuổi, Vy hơn Hoa 3 tuổi.

a. Hỏi năm nay Hoa mấy tuổi?

Bài giải:



b. Hỏi sau mấy năm nữa thì tổng số tuổi của Vy và Hoa bằng 19?

Trả lời: Sau  năm nữa thì tổng số tuổi của Vy và Hoa bằng 19.

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

**TUẦN 10: PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 100.
PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 100 (TIẾP THEO).
LUYỆN TẬP**

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Tổng của 39 và 9 là:

- A. 35 B. 45 C. 44 D. 42

Câu 2. 51 là tổng của:

- A. 25 và 36 B. 54 và 7 C. 19 và 32 D. 28 và 13

Câu 3. Tổng lớn nhất là:

- A. $24 + 18$ B. $39 + 18$ C. $17 + 18$ D. $19 + 49$

Câu 4. Số hạng thứ nhất là hiệu của 15 và 9. Số hạng thứ hai là số liền trước của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số. Vậy tổng là:

- A. 95 B. 96 C. 94 D. 92

Câu 5. Phép tính thích hợp là:

$$\boxed{?} \boxed{?} \boxed{?} = \boxed{54} + \boxed{18}$$







- A. $73 + 9$ B. $25 + 37$ C. $28 + 24$ D. $56 + 16$

Câu 6. Sáng nay bác Ba mang một số quả trứng ra chợ bán. Sau khi bác bán đi 45 quả thì còn lại 15 quả trứng. Số quả trứng bác Ba đã mang ra chợ là:

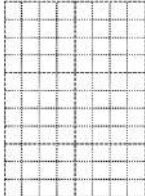
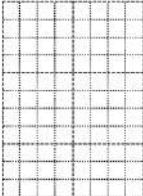
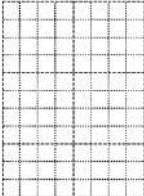
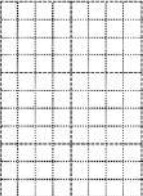
- A. 30 quả B. 50 quả C. 6 chục quả D. 4 chục quả

II. Phần tự luận

Bài 1. Tính:

54	76	35	6	19	48
$+$	$+$	$+$	$+$	$+$	$+$
6	9	5	27	33	35
<hr style="width: 100%;"/>	<hr style="width: 100%;"/>	<hr style="width: 100%;"/>	<hr style="width: 100%;"/>	<hr style="width: 100%;"/>	<hr style="width: 100%;"/>
					

Bài 2. Đặt tính rồi tính:







$48 + 3$	$15 + 9$	$77 + 7$	$59 + 24$
			

Bài 3. Nói:







$22 + 38$	$15 + 17$	$27 + 26$	$33 + 7$	$27 + 69$
-----------	-----------	-----------	----------	-----------

32	96	60	53	40
------	------	------	------	------

Bài 4. Tính:

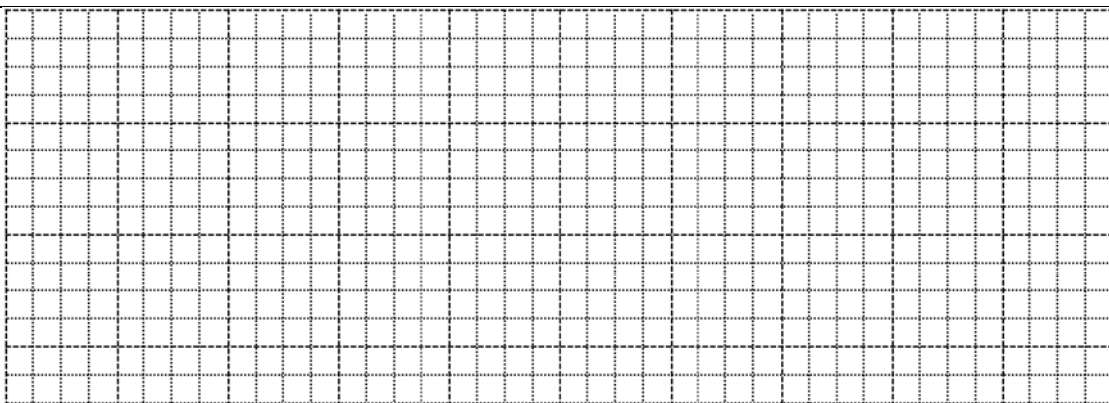
$14 + 9 + 28 =$ 	$32 + 25 + 9 =$ 	$19 + 18 + 5 =$ 
$17 + 24 + 9 =$ 	$47 + 18 + 8 =$ 	$56 + 8 + 17 =$ 

Bài 5. >; <; =

$79 + 2$  84	52  $34 + 9$	$25 + 28$  $39 + 14$
$8 + 36$  40	36  $28 + 8$	$44 + 37$  $38 + 53$

Bài 6. Buổi sáng, bác Ba bán được 17 con gà. Buổi chiều, bác bán được nhiều hơn buổi sáng 8 con. Hỏi buổi chiều bác Ba bán được bao nhiêu con gà?

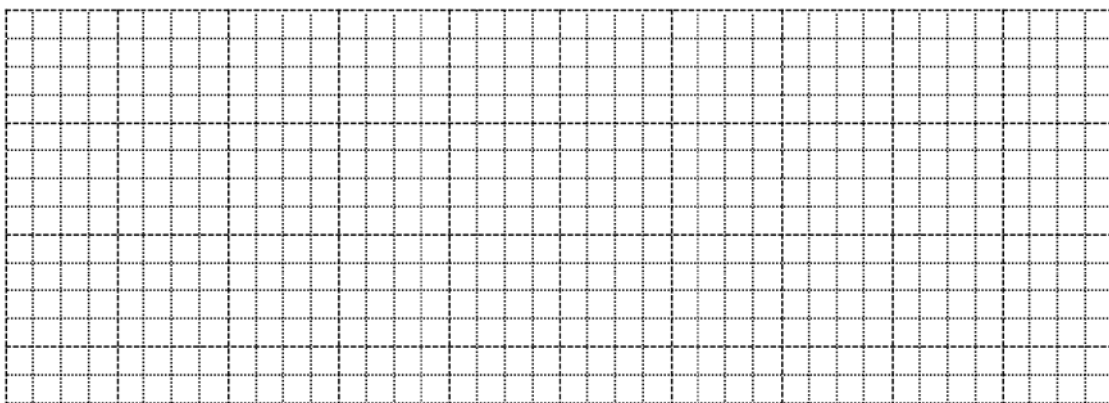
Bài giải:



Bài 7. Lớp 2A trồng được 18 cây xanh. Lớp 2A trồng được ít hơn lớp 2B 5 cây.

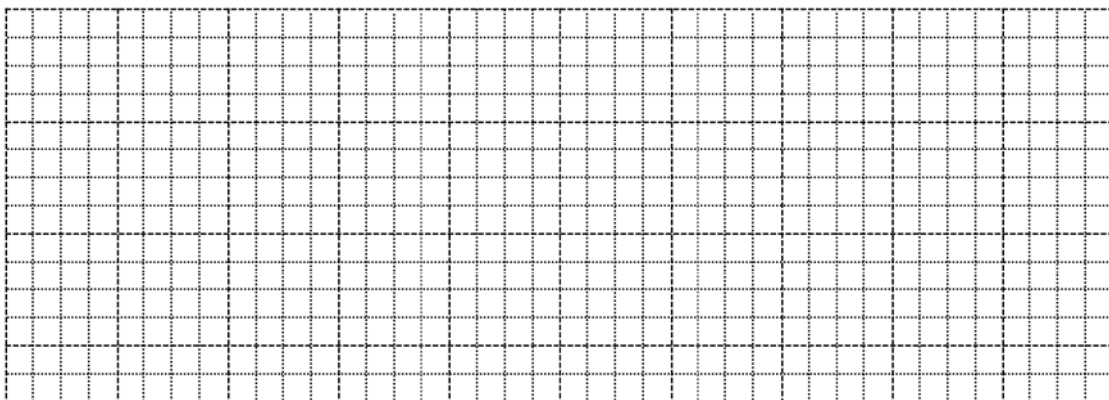
a. Hỏi lớp 2B trồng được bao nhiêu cây xanh?

Bài giải:



b. Hỏi cả hai lớp trồng được tất cả bao nhiêu cây xanh?

Bài giải:



c. Mặc dù đã rất cố gắng nhưng cả hai lớp vẫn thiếu 9 cây xanh nữa để hoàn thành kế hoạch đề ra. Hỏi theo kế hoạch, cả hai lớp cần trồng bao nhiêu cây xanh?

Trả lời: Theo kế hoạch, cả hai lớp cần trồng  cây xanh.

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 11: LUYỆN TẬP. LUYỆN TẬP (TIẾP THEO)

PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 100

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Tổng của 65 và 35 là:

- A. 90 B. 95 C. 30 D. 100

Câu 2. Hiệu của 72 và 28 là:

- A. 54 B. 44 C. 90 D. 100

Câu 3. Hiệu của 43 và số liền sau của 18 là:

- A. 35 B. 61 C. 24 D. 25

Câu 4. Số?

$$\boxed{12} + \boxed{48} < \boxed{55} + \boxed{?} < \boxed{81} - \boxed{19}$$

- A. 6 B. 7 C. 9 D. 8

Câu 5. Đàn gia cầm nhà Mai có 54 con gà và 28 con vịt. Đàn gia cầm nhà Mai có:

- A. 72 con B. 82 con C. 24 con D. 34 con

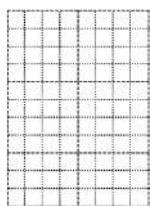
Câu 6. Số bị trừ là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số, số trừ là tổng của 9 và 8. Vậy hiệu bằng:

- A. 90 B. 82 C. 17 D. 73

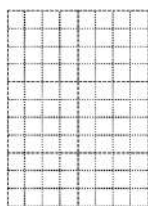
II. Phần tự luận

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

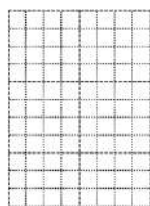
$26 + 67$



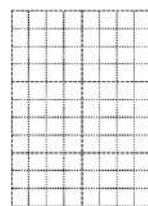
$45 + 55$



$72 - 36$



$82 - 24$



Bài 3. Tính:

$35 + 17 + 48 =$

$43 - 18 + 25 =$

$65 - 16 + 11 =$

$25 + 59 + 16 =$

$23 + 69 - 46 =$

$13 + 68 - 24 =$

Bài 4. Số?

2	
---	--

	1
--	---

	6
--	---

8	4
---	---

+		7
---	--	---

-	4	
---	---	--

+	2	9
---	---	---

-	6	
---	---	--

8	2
---	---

1	5
---	---

4	
---	--

	7
--	---

Bài 5. >; <; =

$12 + 49$
 51

$27 + 18$
 $83 - 49$

$89 - 19$
 $29 + 39$

21
 $72 - 49$

$91 - 15$
 $27 + 49$

$45 - 17$
 $14 + 16$

Bài 6. Giải bài toán theo tóm tắt sau:

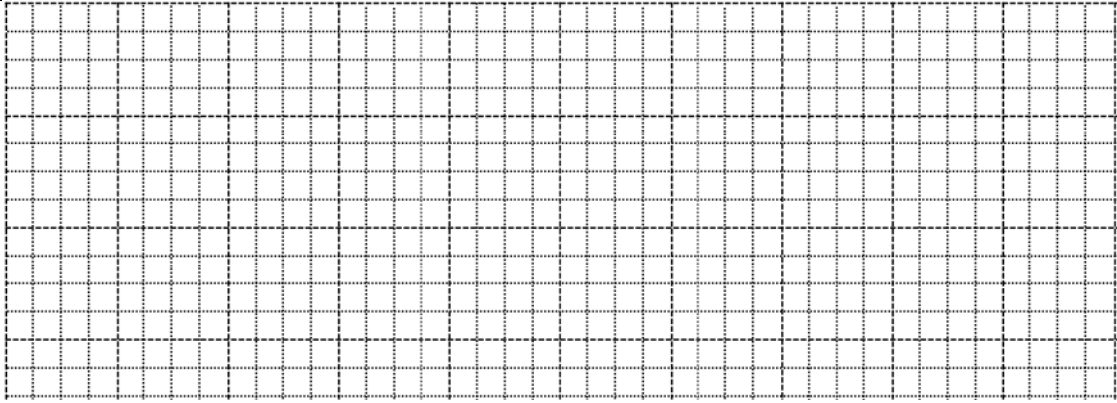
Tóm tắt:

Chú Minh có: 32 quả dưa hấu

Đã bán: 17 quả dưa hấu

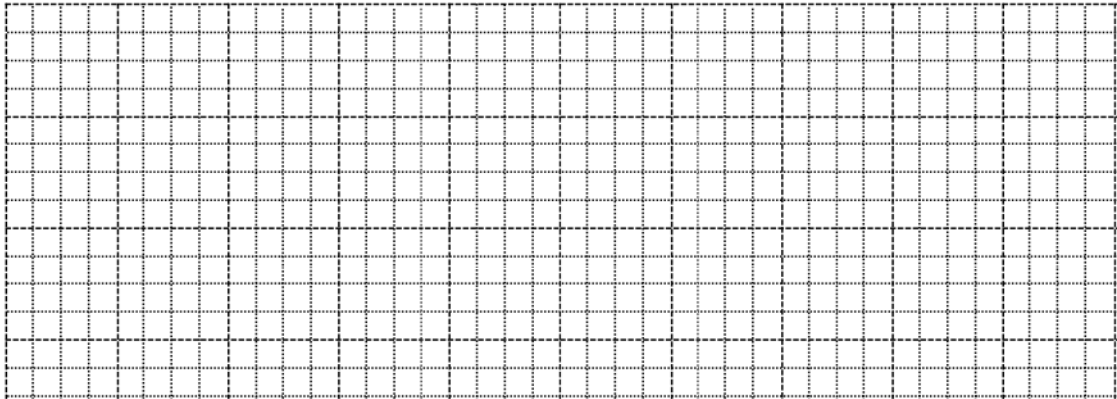
Còn lại: ... quả dưa hấu

Bài giải:



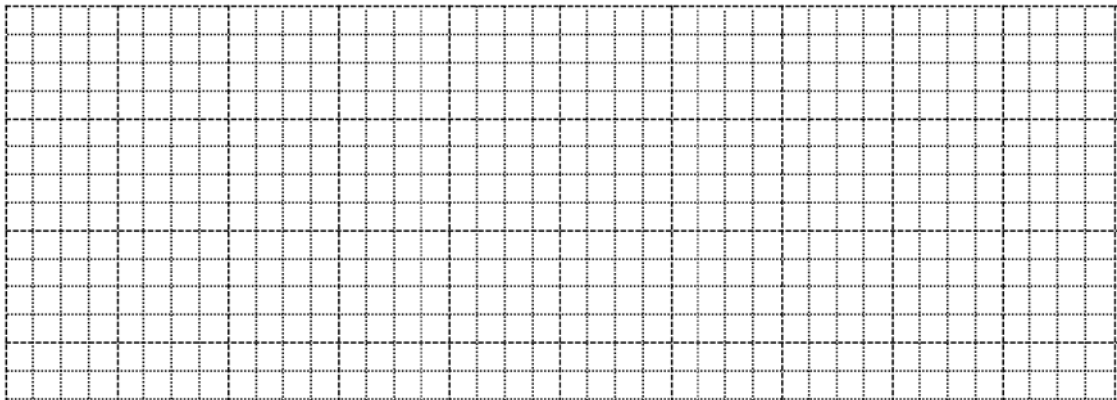
Bài 7. Cô Hương có 55 quyển vở. Cô tặng cho các bạn học sinh lớp 2B, mỗi bạn 1 quyển vở thì còn lại 28 quyển vở. Hỏi lớp 2B có bao nhiêu học sinh?

Bài giải:



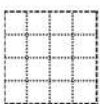





Bài 8. Một chiếc xe khách loại 45 chỗ ngồi sau khi đón thêm 16 người thì trên xe không còn ghế trống. Hỏi lúc đầu trên xe khách đó có bao nhiêu người?

Bài giải:

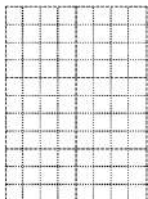
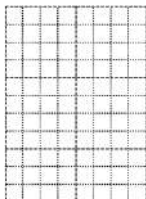
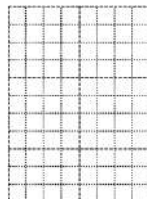
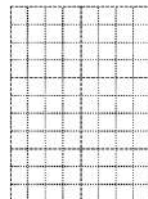


II. Phần tự luận









Bài 1. Tính:

$\begin{array}{r} 23 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 65 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 51 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 81 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 73 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 68 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$
					







Bài 2. Đặt tính rồi tính:

$72 - 6$	$40 - 7$	$52 - 19$	$61 - 6$
			







Bài 3. Tính:

$40 - 9 =$ 	$63 - 7 =$ 	$52 - 6 =$ 	$97 - 9 =$ 
$52 - 5 =$ 	$33 - 4 =$ 	$74 - 6 =$ 	$31 - 3 =$ 

Bài 4. Tính:

$24 - 9 + 28 =$ 	$56 + 25 - 9 =$ 	$49 - 18 - 5 =$ 
$34 - 7 + 49 =$ 	$77 + 18 - 8 =$ 	$66 - 8 - 19 =$ 

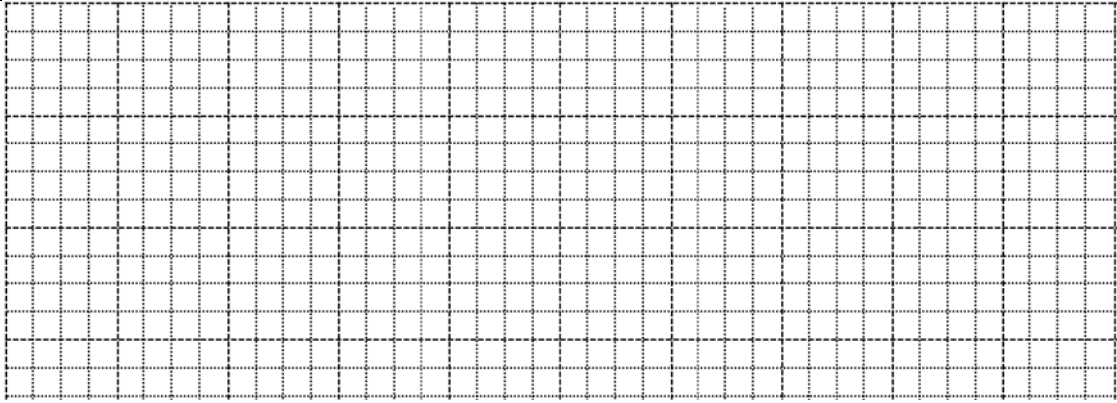
Bài 5. >; <; =

$52 - 8$  40	72  $91 - 6$	$75 - 28$  $53 - 6$
$36 - 9$  29	16  $23 - 8$	$27 + 38$  $70 - 8$

Bài 6. Bình gấp được 25 chiếc thuyền giấy. Mai gấp được ít hơn Bình 6 chiếc.

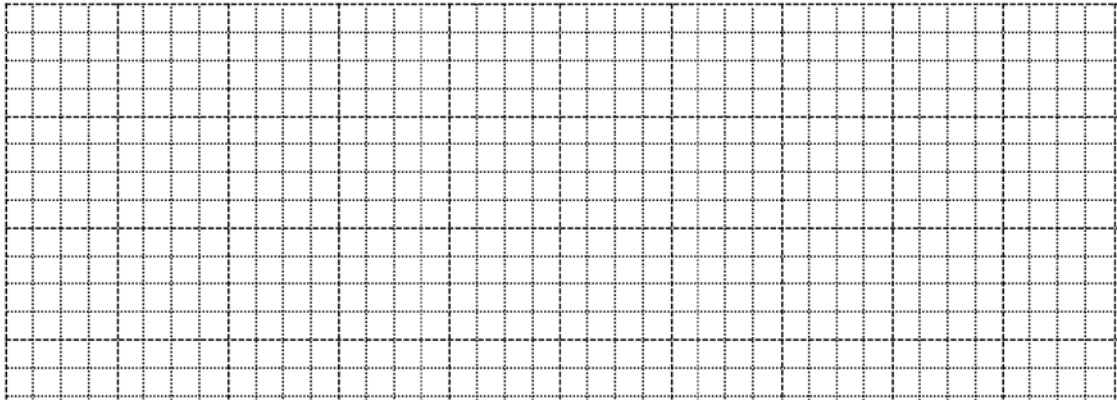
Hỏi Mai gấp được bao nhiêu chiếc thuyền giấy?

Bài giải:



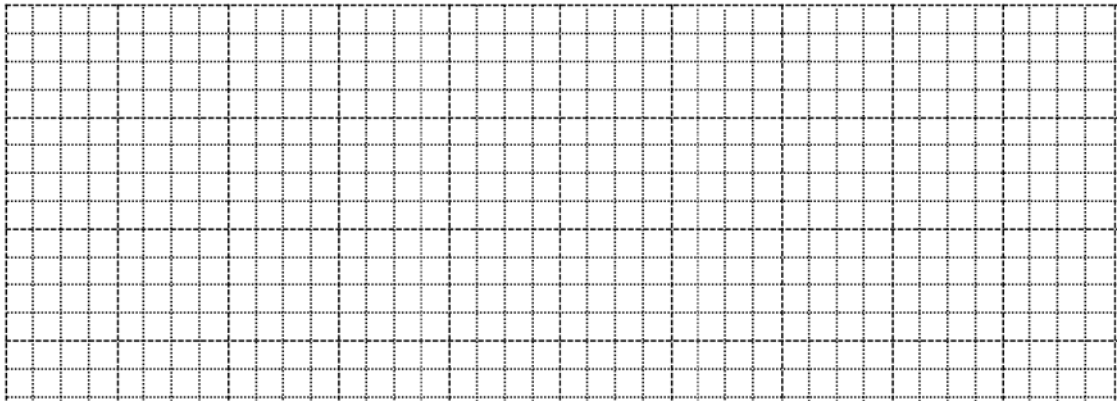
**Bài 7. Trong tủ lạnh nhà My có 40 quả trứng. Mẹ lấy 9 quả để làm bánh.
Hỏi trong tủ lạnh nhà My còn lại bao nhiêu quả trứng?**

Bài giải:



**Bài 8. Năm nay Hoa 8 tuổi, mẹ Hoa 33 tuổi. Hỏi khi sinh ra Hoa, mẹ Hoa
bao nhiêu tuổi?**

Bài giải:



Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 13: LUYỆN TẬP (TIẾP THEO). LUYỆN TẬP CHUNG.

KI-LÔ-GAM

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Hiệu của 100 và 63 là:

- A. 27 B. 37 C. 47 D. 17

Câu 2. Phép tính có hiệu bằng 91 là:

- A. $100 - 19$ B. $17 + 74$ C. $100 - 9$ D. $63 + 18$

Câu 3. Trong các phép tính sau, phép tính có hiệu nhỏ nhất là:

- A. $100 - 78$ B. $47 - 19$ C. $100 - 6$ D. $63 - 6$

Câu 4. Số?

$$\boxed{80} - \boxed{26} < \boxed{?} - \boxed{45} < \boxed{38} + \boxed{18}$$

- A. 90 B. 100 C. 80 D. 70

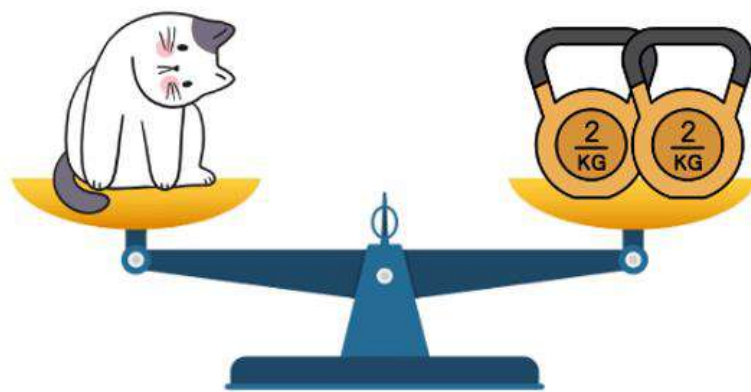
Câu 5. Cân nặng của con lợn là:



- A. 58 kg B. 52 kg C. 32 kg D. 42 kg

Câu 6. An cho Bình 7 viên bi đỏ vs Bình cho An 9 viên bi xanh thì mỗi bạn có 45 viên bi. Số viên Bi An có lúc đầu là:

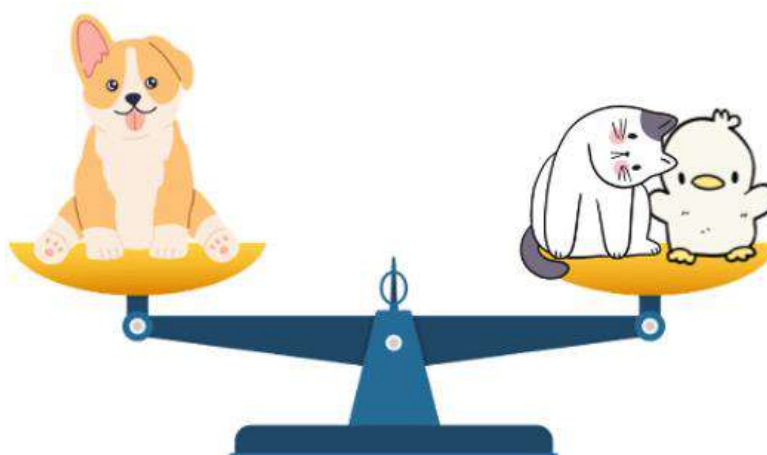
- A. 29 viên bi B. 61 viên bi C. 43 viên bi D. 47 viên bi



Con mèo nặng kg



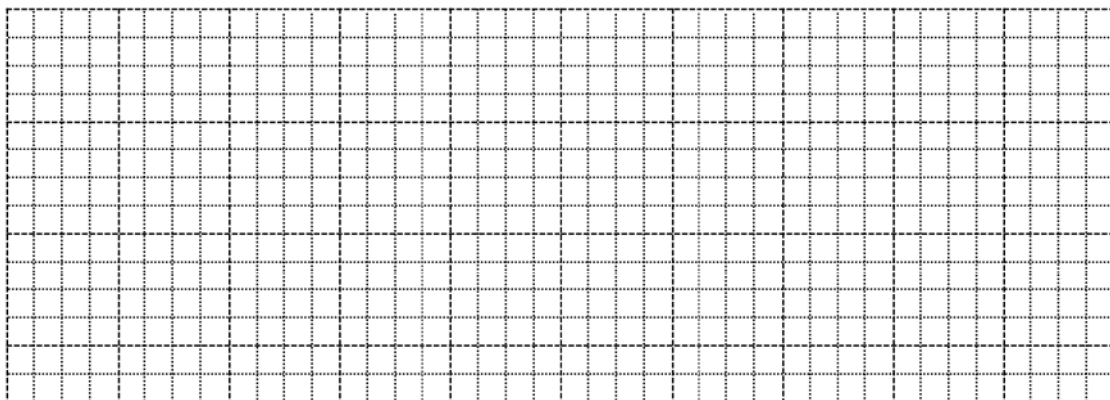
Con vịt nặng kg



Con chó nặng kg

Bài 7. Bác Hoà trồng trong vườn 50 cây cam và bưởi, trong đó có 24 cây cam. Hỏi bác Hoà trồng bao nhiêu cây bưởi trong vườn?

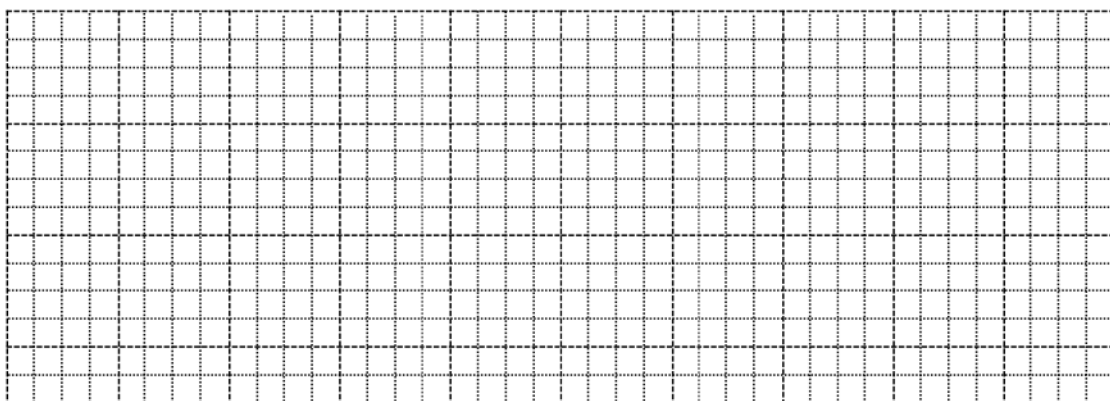
Bài giải:




Bài 8. Thúng ổi nặng 32 kg, thúng xoài nhẹ hơn thúng ổi 3 kg.

a. Hỏi thúng xoài cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải:



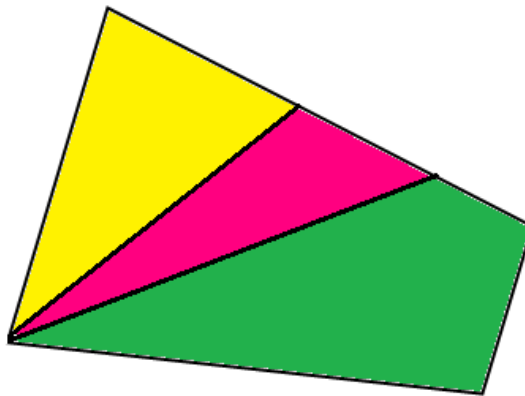
b. Mẹ gánh hai thúng ổi và xoài ra chợ bán. Hỏi mẹ gánh trên vai bao nhiêu ki-lô-gam hoa quả?

Trả lời: Mẹ gánh trên vai  kg hoa quả.

Câu 4. Buổi sáng, cửa hàng bán được 82 l xăng. Buổi chiều, cửa hàng bán ít hơn buổi sáng 14 l xăng. Buổi chiều, cửa hàng bán được số lít xăng là:

- A. 96 l B. 78 l C. 68 l D. 72 l


Câu 5. Hình bên có:





- A. 2 hình tứ giác B. 3 hình tứ giác
C. 4 hình tứ giác D. 5 hình tứ giác


II. Phần tự luận


Bài 1. Tính:


$41 \text{ kg} + 19 \text{ kg} =$ 

$84 \text{ kg} - 76 \text{ kg} =$ 

$100 \text{ kg} - 95 \text{ kg} =$ 

$641 + 281 =$ 

$761 - 271 =$ 

$851 + 151 =$ 

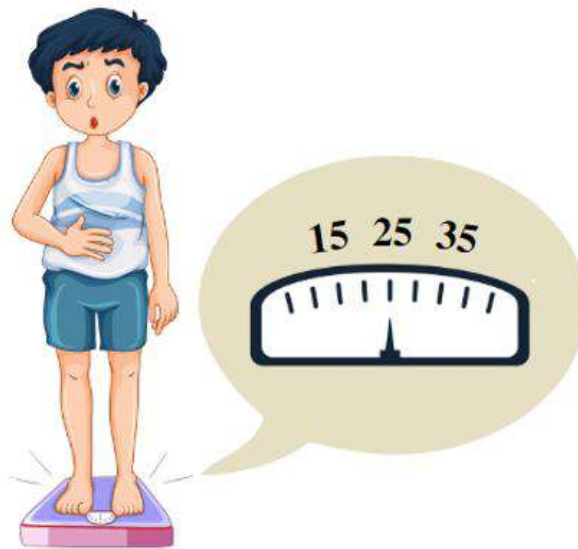
Bài 4. Số?



Bao gạo cân nặng  kg



Con gà cân nặng  kg



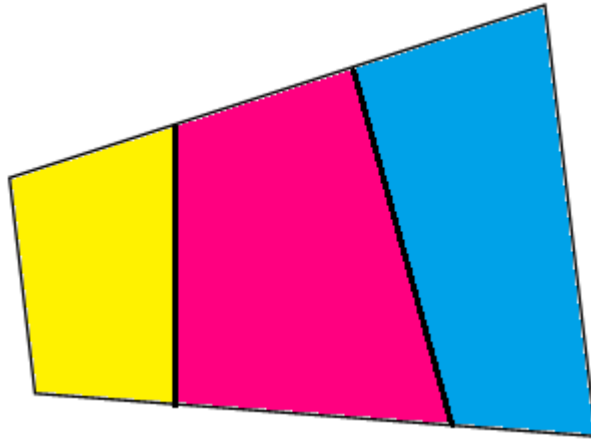
An cân nặng kg




Trong xô màu xanh còn lại l nước



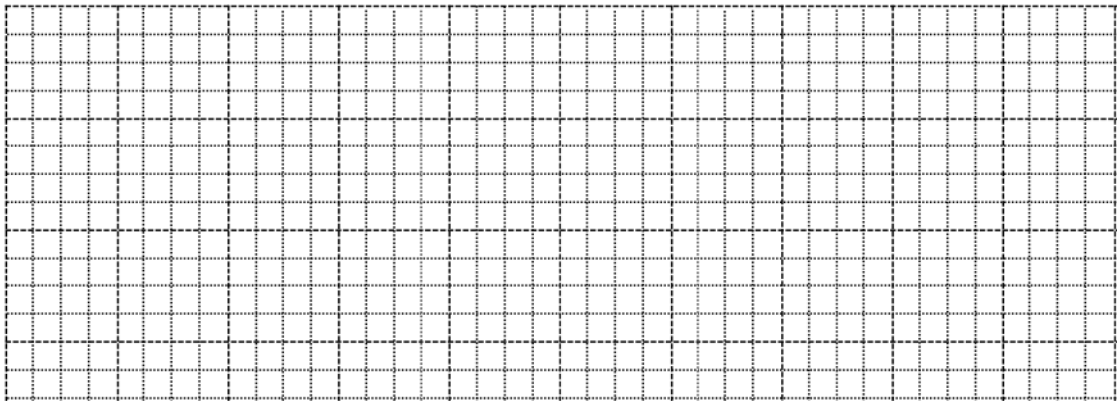
Mỗi quả dưa hấu cân nặng kg



Hình bên có  hình tứ giác.

Bài 7. Một người khách muốn mua 2 l nước mắm nhưng lại mang theo can 5 l. My đã dùng chiếc can 3 l của nhà mình để bán đủ nước mắm cho người khách đó. Theo em, My đã làm như thế nào?

Bài giải:



Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

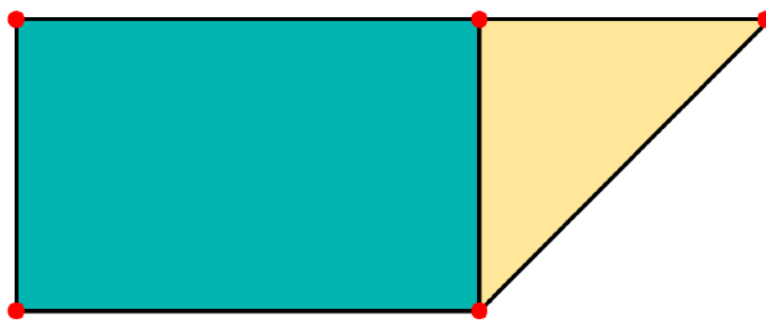
TUẦN 15: ĐIỂM – ĐOẠN THẲNG. ĐƯỜNG THẲNG – ĐƯỜNG CONG – ĐƯỜNG GẤP KHÚC.

ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG. ĐỘ DÀI ĐƯỜNG GẤP KHÚC

I. Phần trắc nghiệm

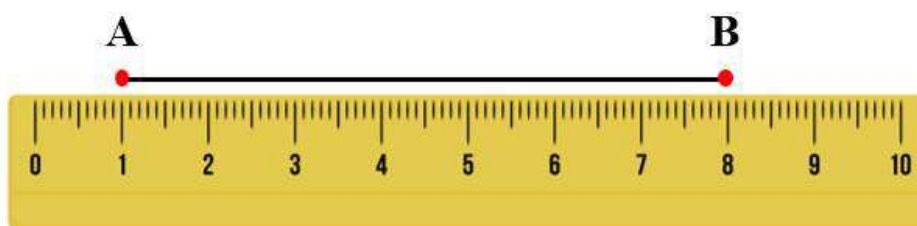
Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Hình bên có:



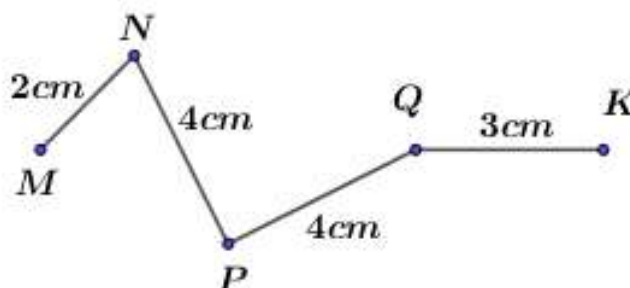
- A. 5 đoạn thẳng B. 6 đoạn thẳng
C. 7 đoạn thẳng D. 8 đoạn thẳng

Câu 2. Độ dài của đoạn thẳng AB là:



- A. 8 cm B. 7 cm C. 6 cm D. 9 cm

Câu 3. Độ dài của đường gấp khúc MNPQ là:



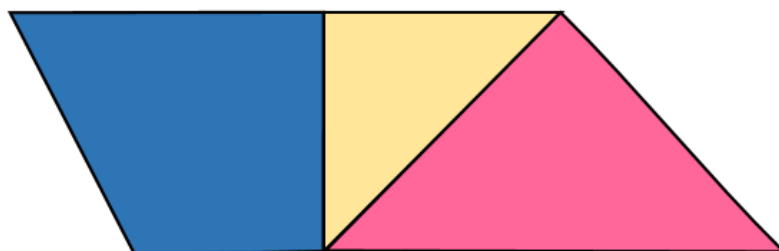
A. 9 cm

B. 7 cm

C. 11 cm

D. 13 cm

Câu 4. Hình bên có:



A. 2 hình tứ giác

B. 3 hình tứ giác

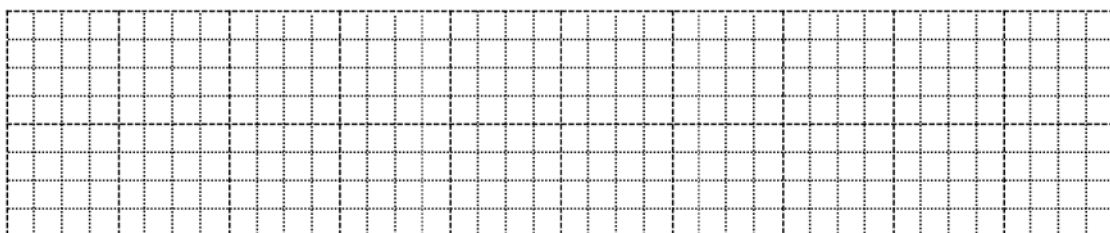
C. 5 hình tứ giác

D. 4 hình tứ giác

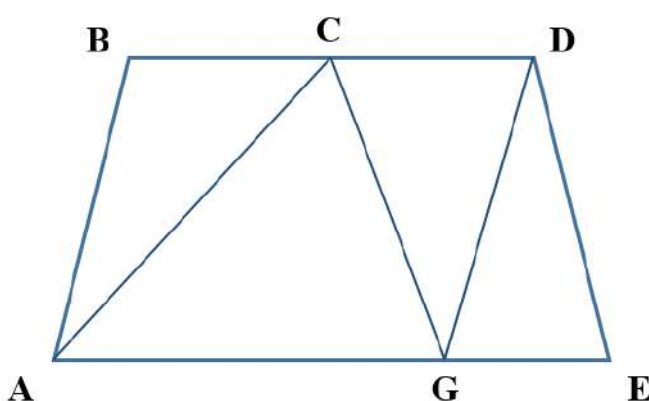
II. Phần tự luận

Bài 1. Số?

Bài 2. Với ba điểm A, B, C thẳng hàng, hãy vẽ đoạn thẳng AB dài 5 cm, đoạn thẳng AC dài 8 cm.





Bài 3. Số?

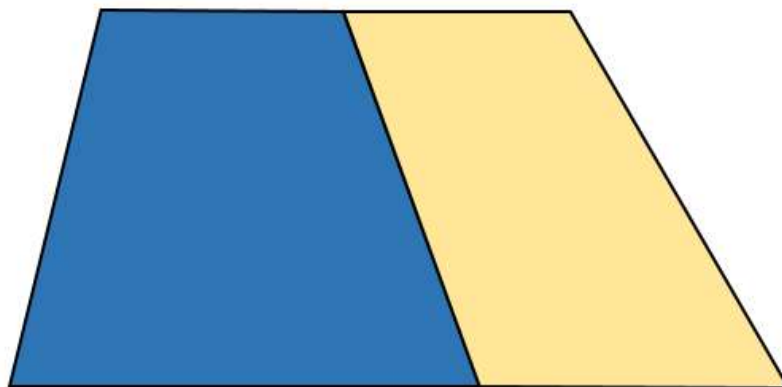


a. Ba điểm thẳng hàng là:



b. Hình bên có:  đoạn thẳng,  hình tứ giác.

Bài 4. Hãy kẻ một đoạn thẳng vào hình dưới đây để được hình có 9 hình tứ giác.



Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 16: THỰC HÀNH LẮP GHÉP, XÉP HÌNH PHẪNG.

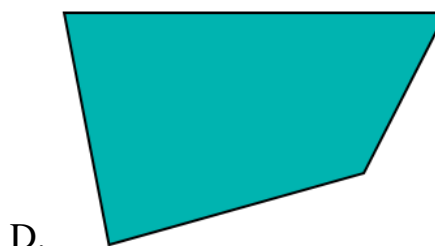
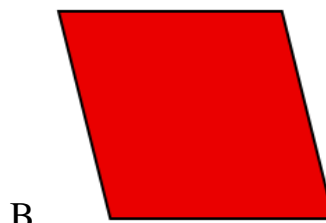
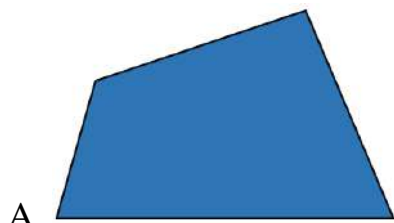
LUYỆN TẬP CHUNG. ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

TRONG PHẠM VI 20

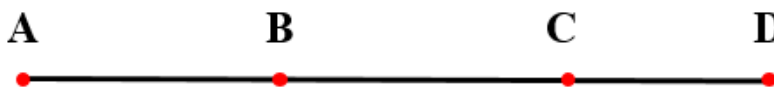
I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Hình nào dưới đây không phải là hình tứ giác?



Câu 2. Có tất cả:



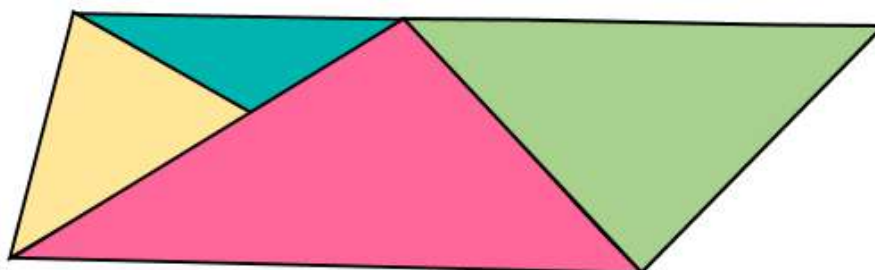
A. 3 đoạn thẳng

B. 4 đoạn thẳng

C. 5 đoạn thẳng

D. 6 đoạn thẳng

Câu 3. Hình bên có:



A. 1 hình tứ giác

B. 2 hình tứ giác

C. 3 hình tứ giác

D. 4 hình tứ giác

Câu 4. Số?

$$\boxed{?} + \boxed{5} = \boxed{14}$$

A. 6

B. 7

C. 8

D. 9

Câu 5. Phép tính không thích hợp là:

$$\boxed{?} \boxed{?} \boxed{?} = \boxed{7} + \boxed{9} - \boxed{8}$$

A. 15 - 6

B. 12 - 4

C. 11 - 3

D. 17 - 9

Câu 6. Tổ Một có 9 bạn. Tổ Hai có nhiều hơn tổ Một 3 bạn. Tổ Hai có số bạn là:

A. 6 bạn

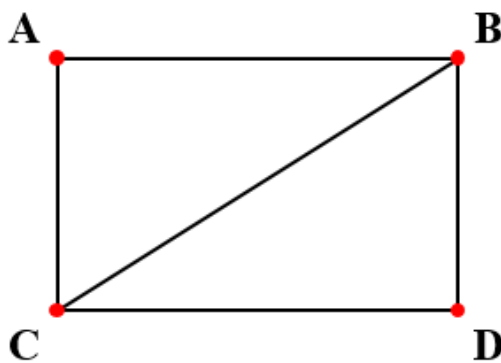
B. 12 bạn


C. 7 bạn

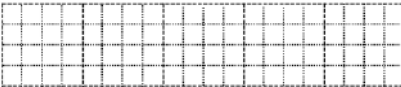
D. 11 bạn

II. Phần tự luận

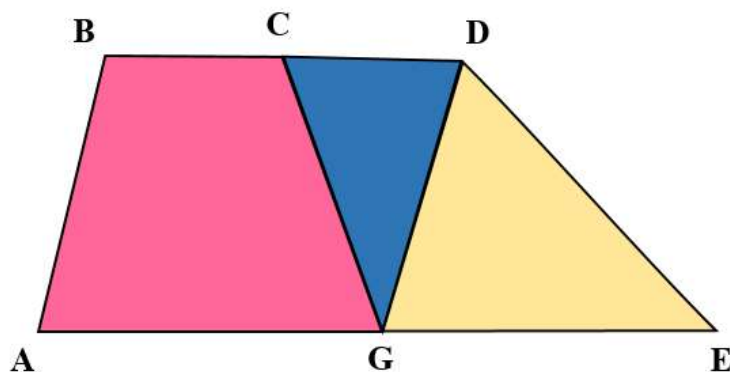
Bài 1. Điền vào chỗ trống cho thích hợp:




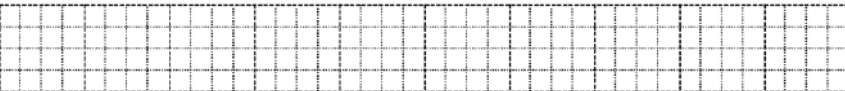
Hình bên có:  đoạn thẳng.

Các đoạn thẳng đó là: 


Bài 2. Điền vào chỗ trống cho thích hợp:





Hình bên có:  hình tứ giác.


Các hình tứ giác đó là: 


Bài 3. Tính:


$7 + 6 =$ 


$9 + 3 =$ 


$5 + 9 =$ 

$6 + 6 =$ 


$5 + 8 =$ 


$4 + 7 =$ 


$8 + 8 =$ 


$9 + 8 =$ 


Bài 4. Tính:


$12 - 7 =$ 


$15 - 6 =$ 


$15 - 9 =$ 

$16 - 7 =$ 

$15 - 8 =$ 

$18 - 9 =$ 

$11 - 2 =$ 

$13 - 5 =$ 

Bài 5. Nói:

$13 - 6$

$5 + 6$

$13 - 4$

$6 + 8$

$14 - 9$

$3 + 8$


$7 + 7$


$12 - 5$


$13 - 8$


$15 - 6$


Bài 6. Tính:


$7 + 5 - 8 =$ 

$14 - 8 + 5 =$ 

$8 + 8 - 9 =$ 

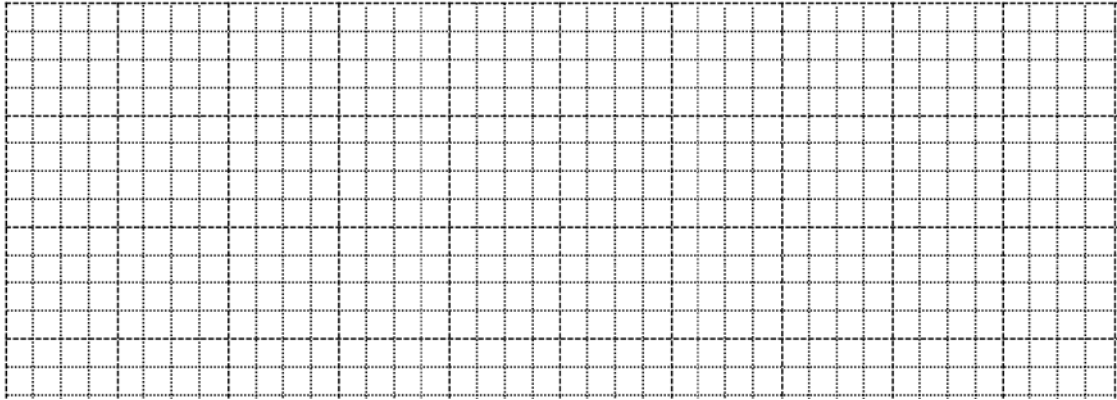
$9 + 3 - 6 =$ 

$11 - 2 + 8 =$ 

$6 + 7 - 5 =$ 

Bài 7. 15 vỏ chai sẽ đổi được một cây. An hiện đang có 9 vỏ chai. Hỏi An cần bao nhiêu vỏ chai nữa để đổi được một cây?

Bài giải:



Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 17: ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 20.

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100.

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Tổng của 75 và 18 là:

- A. 93 B. 67 C. 57 D. 83

Câu 2. Hiệu của 63 và số liền sau của 27 là:

- A. 90 B. 36 C. 35 D. 91

Câu 3. Tổng hoặc hiệu lớn nhất là:

- A. $7 + 38$ B. $14 + 48$ C. $82 - 46$ D. $23 + 47$

Câu 4. Số không thích hợp điền vào chỗ trống là:

$$\boxed{9} + \boxed{9} < \boxed{50} - \boxed{?} < \boxed{81} - \boxed{59}$$

- A. 31 B. 28 C. 29 D. 30

Câu 5. Hình dưới đây có tất cả số đoạn thẳng là:



- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

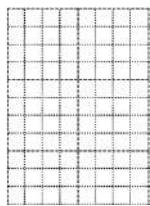
Câu 6. Biết con chó nặng 15 kg, con gà nặng 6 kg. Con chó cân nặng hơn con gà là:

- A. 21 kg B. 12 kg C. 7 kg D. 9 kg

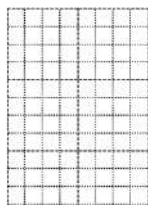
II. Phần tự luận

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

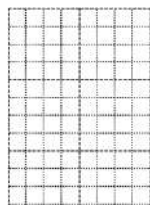
$17 + 83$



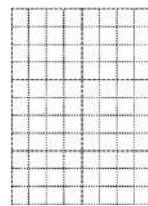
$36 + 29$




$72 - 56$





$92 - 54$





Bài 2. Tính:


$23 + 48 + 19 =$ 

$93 - 48 - 27 =$ 

$38 + 62 - 43 =$ 

$27 + 39 + 15 =$ 

$62 - 26 - 28 =$ 

$57 - 28 + 71 =$ 

Bài 3. Nối:

$57 + 6$

$81 - 37$

$12 + 88$

$100 - 39$

$53 - 5$

$15 + 29$

$66 + 34$

$71 - 8$


$87 - 39$


$15 + 46$

Bài 4. >; <; =


$54 + 26$  71

$64 - 28$  $19 + 29$

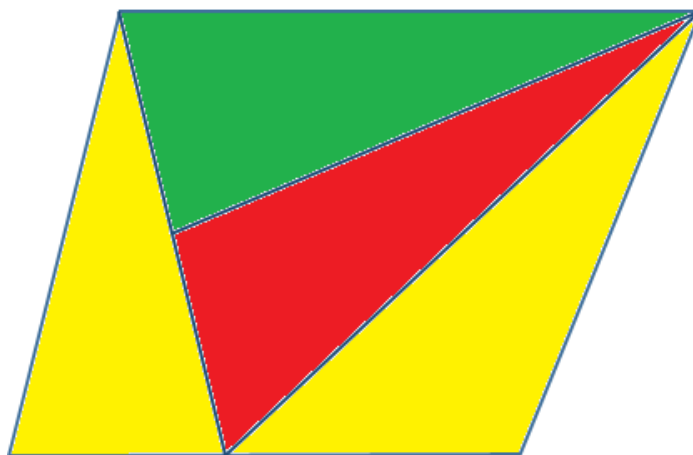
$46 + 26$  $90 - 18$



62  $100 - 48$

$71 - 55$  $43 - 27$

$65 - 28$  $25 + 25$

Bài 5. Số?

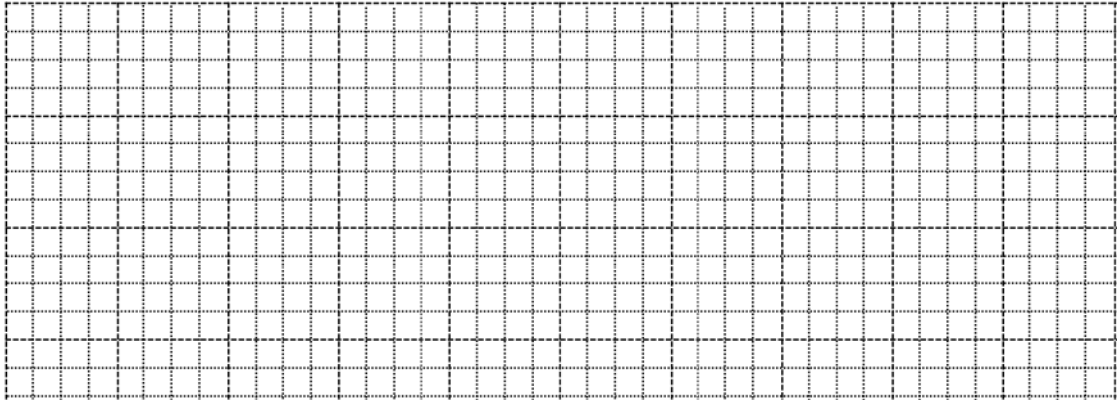


Hình bên có:  đoạn thẳng,  hình tứ giác.

Bài 6. Mai có 35 cái nhãn vở, Hoa có 17 cái nhãn vở.

a. Hỏi cả hai bạn có tất cả bao nhiêu cái nhãn vở?

Bài giải:



b. Mai cho Hoa một số nhãn vở thì số nhãn vở của hai bạn bằng nhau. Hỏi Mai đã cho Hoa bao nhiêu cái nhãn vở?

Trả lời: Mai đã cho Hoa  cái nhãn vở.

Trường:.....

Họ và tên:.....Lớp.....

TUẦN 18: ÔN TẬP. EM VUI HỌC TOÁN

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số liền trước của 70 là:

- A. 60 B. 69 C. 71 D. 72

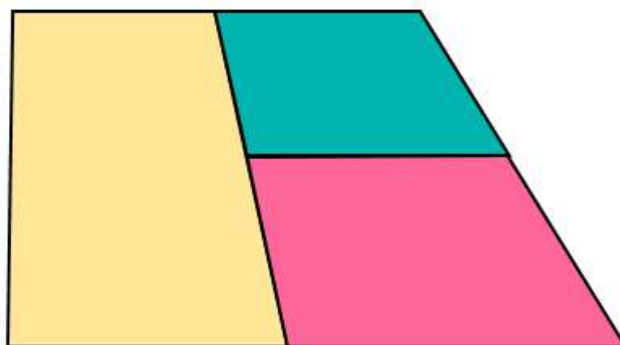
Câu 2. 55 là hiệu của:

- A. 80 và 23 B. 73 và 38 C. 61 và 16 D. 94 và 39

Câu 3. Số hạng thứ nhất là số liền sau của 45, số hạng thứ hai là số hiệu của 17 và 8. Vậy tổng bằng:

- A. 70 B. 36 C. 55 D. 54

Câu 4. Hình bên có:



- A. 3 hình tứ giác B. 4 hình tứ giác
C. 5 hình tứ giác D. 6 hình tứ giác

Câu 5. Số?

$$\boxed{14} + \boxed{27} = \boxed{46} + \boxed{?} - \boxed{29}$$

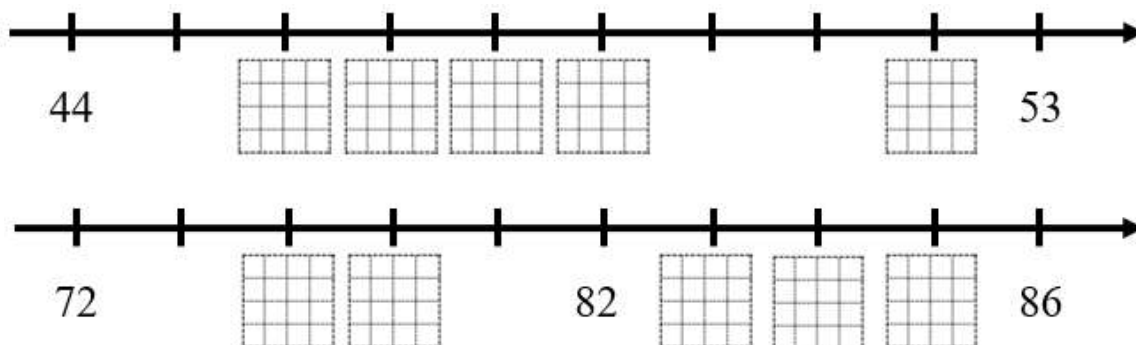
- A. 23 B. 14 C. 24 D. 34

Câu 6. A, B, C là ba điểm thẳng hàng, điểm B ở giữa điểm A và C. Đoạn thẳng AB dài 62 cm, đoạn thẳng BC dài 38 cm. Độ dài của đoạn thẳng AC.

- A. 10 dm B. 34 cm C. 100 dm D. 24 cm

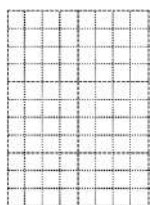
II. Phần tự luận

Bài 1. Số?

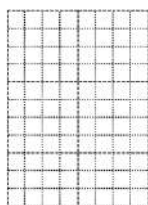


Bài 2. Đặt tính rồi tính:

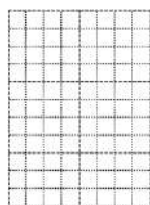
$37 + 46$



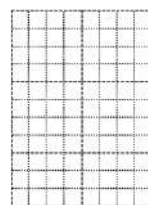
$65 - 18$




$73 - 44$





$100 - 8$




Bài 3. Tính:


$59 \text{ cm} + 4 \text{ cm} - 27 \text{ cm} =$ 


$54 \text{ dm} - 8 \text{ dm} - 27 \text{ dm} =$ 


$62 \text{ kg} - 17 \text{ kg} + 18 \text{ kg} =$ 


$471 + 181 + 351 =$ 

Bài 4. Số?

a. Số liền sau của 76 là: 

b. 29 là số liền trước của: 

c. Số liền trước của số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số là: 

d. Số liền sau của số lớn nhất có hai chữ số là: 

Bài 5. >; <; =

$94 - 47$  $19 + 28$

$100 - 78$  $82 - 36$

